

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

“V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và ông Nguyễn Trọng Chuẩn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thuý Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm Sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-4-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: A, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm: 1968

Địa chỉ: A, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Trương Văn H sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, Nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống tôi và ông H sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, ông H thường hay nhậu say về chửi đánh đập, bà N với ông H đã sống ly thân từ lâu nay. Nay bà N cảm thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk S giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông Trương Văn H.

Về con chung: Bà N với ông Trương Văn H sinh được 04 người con chung gồm: Trương Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 16/9/1997, Trương Thị Thanh P, sinh ngày 03/6/1999, cháu Trương Thị Lan Ng, sinh ngày 08/5/2001 và Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012. Đối với Trương Thị Quỳnh Nh, Trương Thị Thanh P và Trương Thị Lan Ng đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 hiện đang ở cùng với bà Đặng Thị N tại A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Sau khi ly hôn bà Đặng Thị N có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 cho đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn H với bà Đặng Thị N sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, Nhg không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống tôi và bà N sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, ông H với bà N đã sống ly thân khoảng năm 2015 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà N thì ông H đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của bà N và theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông H với bà N sinh được 04 người con chung gồm: Trương Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 16/9/1997, Trương Thị Thanh P, sinh ngày 03/6/1999, cháu Trương Thị Lan Ngọc, sinh ngày 08/5/2001 và Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012. Đối với Trương Thị Quỳnh Nh, Trương Thị Thanh P và Trương Thị Lan Ng đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 hiện đang ở cùng với bà Đặng Thị N tại A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Sau khi ly hôn nguyện vọng của cháu D ở với cha hay với mẹ thì người đó chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông Trương Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng,

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị N với ông Trương Văn H sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, Nhg không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống bà N và ông H sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, bà N và ông H đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 cho đến nay. Về con chung bà N và ông H sinh được 04 người con chung gồm: Trương Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 16/9/1997, Trương Thị Thanh P, sinh ngày 03/6/1999, cháu Trương Thị Lan Ngọc, sinh ngày 08/5/2001 và Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012. Hiện Trương Thị Quỳnh Nh, Trương Thị Thanh P và Trương Thị Lan Ng đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 và nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Quá trình giải quyết bà N và ông H đã thỏa thuận được là bà N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trương Khánh D đến tuổi trưởng thành và đều đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với ông Trương Văn H. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Đặng Thị N với ông Trương Văn H; về con chung: Giao cháu Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 cho bà Đặng Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định Nh sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Đặng Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con với ông Trương Văn H. Bị đơn là ông Trương Văn H có địa chỉ tại A, xã Nam B, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song; quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*”.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đặng Thị N là nguyên đơn và ông Trương Văn H là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị N với ông Trương Văn H sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay là trên cơ sở tự nguyện, Nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống bà N và ông H sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, bà N và ông H đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 cho đến nay nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà N với ông H là vợ chồng.

Xét yêu cầu của bà N: Mặc dù sống với nhau kể từ năm 1996 cho đến nay, bà N với ông H có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn Nhưng ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định; điểm b mục 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, cụ thể: Nam nữ sống chung với nhau Nh vợ chồng từ ngày 03-01-1987 đến ngày 01-01-2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*”. Như vậy, yêu cầu của bà N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà N với ông H sinh được 04 người con chung gồm: Trương Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 16/9/1997, Trương Thị Thanh P, sinh ngày 03/6/1999, cháu Trương Thị Lan Ngọc, sinh ngày 08/5/2001 và Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012. Hiện Trương Thị Quỳnh Nh, Trương Thị Thanh P và Trương Thị Lan Ngđã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 và nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Quá trình giải quyết bà N và ông H đã thỏa thuận được là bà N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trương Khánh D đến tuổi trưởng thành và điều đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Về cấp dưỡng, về tài sản chung, về nợ chung: Bà Đặng Thị N với ông Trương Văn H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Đặng Thị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với ông Trương Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị N đối với ông Trương Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Trương Khánh D, sinh ngày 21/10/2012 cho bà Đặng Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng, về tài sản chung, về nợ chung: Bà Đặng Thị N và ông Trương Văn H đều không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Đặng Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004043 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài